

Số: 905 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:
Cung cấp vật tư và dịch vụ khắc phục sự cố hệ thống hạ tầng công nghệ thông
tin phục vụ tham gia thị trường điện cạnh tranh – NMTĐ Đồng Nai 5.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 2630/QĐ-ĐLTKV ngày 11/11/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định về mua sắm vật tư liên tục cho hoạt động sản xuất, và duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1780/QĐ-ĐN5 ngày 13/12/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 1356/ĐLTKV-KH ngày 16/5/2025 của Tổng công ty điện lực – TKV về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-ĐN5 ngày 19/5/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 675/QĐ-ĐN5 ngày 26/5/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành phương án khắc phục sự cố hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ tham gia thị trường điện cạnh tranh – NMTĐ Đồng Nai 5;

Căn cứ báo cáo thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp của Tổ thẩm định ngày 01/7/2025;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại tờ trình ngày 24/6/2025 về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà Cung cấp vật tư và dịch vụ khắc phục sự cố hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ tham gia thị trường điện cạnh tranh – NMTĐ Đồng Nai 5.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp vật tư và dịch vụ khắc phục sự cố hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ tham gia thị trường điện cạnh tranh – NMTĐ Đồng Nai 5 với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự toán mua sắm: Cung cấp vật tư và dịch vụ khắc phục sự cố hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ tham gia thị trường điện cạnh tranh – NMTĐ Đồng Nai 5;

2. Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;
3. Địa điểm giao nhận hàng hóa và lắp đặt: Tại Kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
4. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025;
5. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Quý III năm 2025;
6. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Báo giá cạnh tranh rút gọn (theo Khoản 3, Điều 9 ban hành theo Quyết định số 1780/QĐ-ĐN5 ngày 13/12/2024);
7. Loại hợp đồng: Trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9. Giá trị dự toán: **694.749.212 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm mười hai đồng). Giá đã bao gồm các khoản thuế phí. Hàng hóa được vận chuyển, bốc xếp và giao tại Kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV. Địa chỉ: xã Lộc Bắc, huyện Bảo lâm, tỉnh Lâm Đồng. *Chi tiết như dự toán đính kèm.*

Điều 2: Giao cho Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư và Tổ chuyên gia lựa chọn nhà cung cấp thực hiện các bước lựa chọn nhà cung cấp đúng theo quy định của Công ty và Tổng Công ty, Giao cho phòng Kỹ thuật nghiệm thu theo quy định.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website TCT (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT, KHĐT, (P02).



Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC
BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ
Về việc Cung cấp vật tư và dịch vụ khắc phục sự cố hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ tham
gia thị trường điện cạnh tranh – NMTĐ Đồng Nai 5.
(Kèm theo Quyết định số 905 /QĐ-ĐN5 ngày 1 tháng 7 năm 2025)

ĐVT: VND

Stt	Nội dung chi phí	Diễn giải	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	Nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT	Bảng I	555.186.493	45.062.719	600.249.212
II	Dịch vụ hỗ trợ vận hành hệ thống 1 năm	Bảng II	94.500.000	-	94.500.000
	Tổng cộng		649.686.493	45.062.719	694.749.212

(Số tiền bằng chữ: Sáu trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm mười hai đồng).